ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1659/QĐ-UBND	*Sơn La, ngày 31 tháng 8 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản đối với 12 mỏ đất san lấp trên địa bàn các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Sông Mã và thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 38/CT-TTg ngày 29/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp quy định hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá;

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh Sơn La về quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng

thông thường tỉnh Sơn La đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của HĐND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh một số nội dung Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của HĐND tỉnh Sơn La về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sơn La tại Tờ trình số 473/TTr-STNMT ngày 21/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò đối với 12 mỏ đất san lấp trên địa bàn các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Sông Mã và thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

(Có Kế hoạch chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Sông Mã và thành phố Sơn La tổ chức, thực hiện việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các điểm mỏ đất san lấp tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

1.2. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò đối với 12 mỏ đất san lấp tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định.

2. Các Sở, ngành: Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Thông tin truyền thông, Văn hóa, thể thao và Du lịch; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh và UBND các huyện, thành phố có liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các điểm mỏ đất san lấp tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Thông tin truyền thông, Văn hóa, thể thao và Du lịch; Giám đốc Công an tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Sông Mã và thành phố Sơn La; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường *(b/c);*
- TT Tỉnh ủy *(b/c);*
- TT HĐND tỉnh *(b/c);*
- Chủ tịch UBND tỉnh *(b/c);*
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Báo Sơn La;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT- Hiệu 20 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò đối với 12 mỏ đất san lấp trên địa bàn các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Sông Mã và thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

(Kèm theo Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh)

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

- Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò đối với 12 mỏ đất san lấp trên địa bàn tỉnh làm căn cứ pháp lý cho việc cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

- Nhằm quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu khoáng sản cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội, đồng thời phát huy tiềm năng khoáng sản, thu hút đầu tư thăm dò và khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản, tăng cường hiệu quả kinh tế và nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

2. Yêu cầu

- Các mỏ khoáng sản được lựa chọn đưa ra đấu giá phải phù hợp với quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, không thuộc khu vực đã được UBND tỉnh Sơn La khoanh định vào khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đấu giá quy định tại Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp quy định hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định của Luật Đấu giá tài sản.

- Tổ chức các phiên đấu giá đảm bảo minh bạch, công khai, liên tục, bình đẳng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia đấu giá.

II. Nội dung

1. Số lượng mỏ khoáng sản đưa ra đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 12 mỏ đất san lấp trên địa bàn các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Sông Mã và thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La *(chi tiết tại phụ lục kèm theo Kế hoạch này).*

2. Phương pháp tiến hành: Tổ chức đấu giá từng mỏ khoáng sản trên nguyên tắc, điều kiện, thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện theo quy định của Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012; Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31/7/2019; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014; Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017; Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 và các quy định của pháp luật có liên quan về đấu giá tài sản.

3. Thời gian thực hiện: Năm 2023. Cụ thể:

- Qúy III/2023: Hoàn thành hồ sơ đấu giá

- Quý IV/2023: Tổ chức phiên đấu giá

Trường hợp đến hết quý IV/2023 tổ chức đấu giá không thành hoặc chưa thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản các mỏ đã được phê duyệt trong Kế hoạch này, thì được chuyển sang đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong năm 2024 và các năm tiếp theo.

4. Dự toán kinh phí *(khái toán)*: 603.207.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm linh ba triệu, hai trăm linh bảy nghìn đồng)*. Tối đa không quá 400.000.000 đồng/hợp đồng *(theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 của Bộ Tài chính)*

Trong đó: Chi khảo sát, lập hồ sơ đấu giá cho 12 mỏ là 196.935.000 đồng *(theo quy định tại Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTC-BTNMT)*; chi trả thù lao dịch vụ đấu giá cho mỗi cuộc đấu giá *(theo quy định tại mục 5 Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 108/2020/TT-BTC)* là 22.640.000 đồng và cộng 4% trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm 9.216.000 đồng = 31.856.000 đồng, chi phí cho 12 cuộc là 31.856.000đ x 12 cuộc = 382.272.000 đồng *(tạm tính)*; chi đăng tải trên Đài Phát thanh - Truyền hình, báo Sơn La *(theo quy định tại khoản 2 Điều 66 của Luật Đấu giá tài sản)* cho mỗi cuộc đấu giá là 2.000.000 đồng x 12 cuộc = 24.000.000 đồng *(tạm tính)*.

5. Nguồn kinh phí thực hiện

- Giao tại Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023; Sở Tài nguyên và Môi trường phân bổ và giao dự toán tại Quyết định số 565/QĐ-STN&MT ngày 24/12/2022.

- Trường hợp thiếu kinh phí được giao tại Quyết định số 2566/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 thì thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản.

III. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

1.1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành để chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau phiên đấu giá *(lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tiếp nhận, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản; thông báo công khai kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; trình phê duyệt kết quả trúng đấu giá)*;

1.2. Chủ trì, phối hợp với các các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Xây dựng; Cục Thuế tỉnh và UBND các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Sông Mã và thành phố Sơn La xác định giá khởi điểm, bước giá cho các phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, số tiền đặt trước của tổ chức tham gia đấu giá và dự toán Đề án thăm dò khoáng sản trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định;

1.3. Xét chọn tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật khi lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

1.4. Lập dự toán kinh phí đảm bảo cho hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản gửi Sở Tài chính thông báo theo quy định về phân cấp quản lý tài chính; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí để các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định hiện hành;

1.5. Lựa chọn và hợp đồng thuê tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện các phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

2.1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định giá khởi điểm, bước giá cho phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, số tiền đặt trước và dự toán Đề án thăm dò khoáng sản.

2.2. Căn cứ dự toán kinh phí đơn vị lập, Sở Tài chính thông báo dự toán kinh phí theo quy định về phân cấp quản lý tài chính; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt bổ

sung dự toán kinh phí để các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan và UBND các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Sông Mã và thành phố Sơn La

Theo chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo Kế hoạch này;

Trong quá trình triển khai nếu có những vướng mắc, các Sở, ngành và UBND các huyện: Mai Sơn, Mộc Châu, Vân Hồ, Phù Yên, Bắc Yên, Thuận Châu, Sông Mã và thành phố Sơn La kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục:

12 MỎ ĐẤT SAN LẤP TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN: MAI SƠN, MỘC CHÂU, VÂN HỒ, PHÙ YÊN, BẮC YÊN, THUẬN CHÂU, SÔNG MÃ VÀ THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

(Kèm theo Kế hoạch đấu giá ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh)

Số TT	Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104^0 00'; múi chiếu 3^0		Diện tích (ha)	Ghi chú
			X (m)	Y (m)		
1	Mỏ đất san lấp bản Nam, xã Hua La	Xã Hua La, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	2355256.15 2355157.21 2355093.36 2355095.39 2355030.55 2355016.60 2355006.92 2355025.64 2355052.71 2355054.88 2355115.04 2355171.54 2355229.50 2355271.53	492679.16 492673.40 492654.30 492638.69 492624.08 492591.09 492565.64 492537.76 492533.20 492432.36 492400.66 492432.72 492507.52 492631.83	4,74	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022
2	Mỏ đất san lấp bản Thống Nhất, xã Mường Bon và tiểu khu 15, 16 thị trấn hát lót, huyện Mai Sơn	Bản Thống Nhất, xã Mường Bon và tiểu khu 15, 16 thị trấn hát lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	2346755.45 2346821.95 2346894.41 2346925.45 2346892.45 2346899.45 2346861.45 2346759.45 2346725.95 2346724.95	508965.00 508987.50 509068.44 509164.50 509182.50 509240.50 509268.00 509254.00 509134.00 509029.50	4,3	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022; được điều chỉnh tên, địa điểm của mỏ tại Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 20/7/2023

Số TT	Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104^0 00'; múi chiếu 3^0		Diện tích (ha)	Ghi chú
			X (m)	Y (m)		
3	Mỏ đất san lấp tại tiểu khu 19/5, xã Chiềng Sơn	Xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	2299601.27 2299568.77 2299513.82 2299492.10 2299442.98 2299373.65 2299314.37 2299345.53 2299409.31 2299465.82 2299531.30 2299549.01 2299606.09	560551.50 560542.62 560508.23 560494.34 560446.60 560401.05 560421.46 560466.03 560495.22 560547.51 560564.17 560591.94 560622.41	1,8	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022
4	Mỏ đất san lấp khu vực Chiềng Ve, xã Chiềng Sơn	Xã Chiềng Sơn, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	2297837.82 2297567.61 2297531.83 2297592.38 2297575.40 2297621.54 2297721.83 2297839.17 2297886.17 2297956.92 2297998.34 2297950.22 2297874.67 2297838.68	560413.86 560469.28 560411.22 560339.00 560272.61 560245.44 560239.14 560199.61 560179.99 560207.10 560233.21 560274.20 560300.13 560367.11	7,0	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022

Số TT	Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104^0 00'; múi chiếu 3^0		Diện tích (ha)	Ghi chú
			X (m)	Y (m)		
5	Mỏ đất san lấp khu vực cạnh Quốc lộ 43, xã Phiêng Luông	Xã Phiêng Luông, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La	2306201.78 2306230.01 2306257.83 2306254.89 2306130.84 2306086.30 2305965.96 2305933.75 2305962.00 2305979.59 2306026.96 2306092.17 2306090.20 2306058.32 2306057.90	580788.06 580719.58 580621.39 580506.93 580356.75 580385.68 580302.42 580403.15 580508.42 580520.73 580612.93 580644.24 580679.15 580720.50 580747.19	9,71	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022
6	Mỏ đất san lấp khu vực đồi Hua Tạt, xã Vân Hồ (khu 1)	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	2299178.70 2299152.48 2299168.10 2299209.88 2299242.48 2299246.16 2299213.35 2299110.65 2299067.56 2299077.64 2299100.57	582342.66 582285.59 582227.01 582217.53 582226.49 582188.48 582147.68 582062.34 582185.00 582199.10 582207.69	2,54	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022

Số TT	Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104^0 00'; múi chiếu 3^0		Diện tích (ha)	Ghi chú
			X (m)	Y (m)		
			2299105.41 2299111.70 2299103.95 2299060.47	582243.16 582258.87 582280.35 582338.44		
7	Mỏ đất san lấp khu vực đồi Hua Tạt, xã Vân Hồ (khu 2)	Xã Vân Hồ, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	2299091.85 2299046.58 2298972.48 2299192.24 2299232.21 2299229.07 2299193.94	582396.86 582379.90 582582.88 582688.96 582600.85 582524.09 582468.16	4,89	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022
8	Mỏ đất san lấp khu vực xã Chiềng Khoa	Xã Chiềng Khoa, huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La	2305679.40 2305726.50 2305736.86 2305733.38 2305703.24 2305659.74 2305556.89 2305527.18 2305503.85 2305484.33 2305495.16 2305534.97 2305569.74 2305570.75 2305576.17 2305579.87	582756.81 582743.18 582712.45 582701.56 582682.95 582631.09 582667.87 582730.71 582782.73 582822.76 582831.00 582826.27 582824.69 582797.26 582790.78 582781.97	2,54	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022

Số TT	Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104^0 00'; múi chiếu 3^0		Diện tích (ha)	Ghi chú
			X (m)	Y (m)		
			2305592.29 2305617.74 2305633.27 2305644.73 2305665.69	582779.72 582774.59 582770.94 582765.95 582759.99		
9	Mỏ đất san lấp khu bệnh viện đa khoa huyện Bắc Yên	Thị trấn Bắc Yên, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La	2349809.91 2349813.09 2349796.95 2349744.74 2349690.00 2349611.28 2349599.28 2349615.69 2349657.44 2349633.76 2349717.38	545326.60 545448.88 545451.29 545596.73 545588.75 545568.41 545555.10 545493.01 545442.84 545305.94 545302.71	4,429	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022
10	Mỏ đất bản Lìn, xã Gia Phù	Xã Gia Phù, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	2345898.19 2345967.58 2345987.26 2345926.88 2345811.37 2345774.29 2345789.63 2345833.72	559986.45 559908.29 559859.90 559830.41 559999.96 560165.63 560189.83 560140.03	2,416	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022

Số TT	Tên mỏ	Địa điểm	Tọa độ hệ VN 2000, Kinh tuyến trục 104^0 00'; múi chiếu 3^0		Diện tích (ha)	Ghi chú
			X (m)	Y (m)		
11	Mỏ đất san lấp tại xã Tông Lạnh	Xã Tông Lạnh, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La	2370200.34 2370185.17 2370155.79 2370059.63 2369940.65 2369913.18 2369881.62 2369901.74 2369933.25 2370083.52	471918.04 471863.21 471819.09 471800.99 471849.77 471851.23 471889.71 472024.22 472060.48 472077.38	6,41	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022
12	Mỏ đất san lấp bản Nà Nghịu	Xã Nà Nghịu, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	2330598.35 2330527.13 2330504.52 2330571.22 2330634.32 2330639.63	472141.72 472138.06 471982.47 471911.94 471913.83 471989.22	2,33	Mỏ đã được HĐND tỉnh Sơn La bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Sơn La tại Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 13/7/2022